

16. Ban kiểm soát có quyền được sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao. Chi phí cho việc thuê tư vấn do Công ty chi trả nhưng phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

17. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

18. Ban kiểm soát có quyền sử dụng cán bộ nghiệp vụ để thực hiện nhiệm vụ được giao. Giám đốc có nghĩa vụ phải thực hiện theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

19. Trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt báo cáo hoạt động, chi phí hoạt động và tiền thù lao trong báo cáo tài chính hàng năm; kế hoạch hoạt động và tổng kinh phí hoạt động, tiền hoặc thù lao của Ban kiểm soát năm kế hoạch.

20. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.

21. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát;
- b) Phân công nhiệm vụ cho các Kiểm soát viên và tổ chức thực hiện giám sát việc hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát;
- c) Chuẩn bị nội dung, tài liệu và triệu tập các cuộc họp của Ban kiểm soát;
- d) Tổ chức thực hiện các cuộc kiểm tra theo kế hoạch; hoặc kiểm tra theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, Điều 19 của Điều lệ này;
- e) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông;
- f) Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi Hội đồng quản trị không triệu tập;
- g) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo hình thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành phải gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo hình thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý hoặc người lao động làm việc.

4. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 54. Đề cử hoặc ứng cử, miễn nhiệm, thay thế Kiểm soát viên.

1. Đề cử hoặc ứng cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn ít nhất là 06 tháng đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

2. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi miễn trong các trường hợp quy định sau:

a) Phát hiện không đủ tiêu chuẩn, điều kiện là Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2, Điều 51 của Điều lệ này;

b) Bị toà án kết án bằng bản án hoặc quyết định có hiệu lực pháp luật;

c) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao;

d) Bị tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

e) Không chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác;

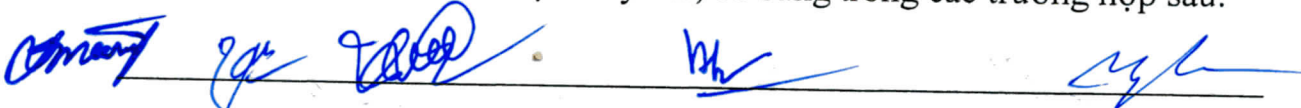
f) Báo cáo không trung thực kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát;

g) Không tham gia hoạt động của Ban kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng nhưng phải được các thành viên khác của Ban kiểm soát công nhận;

h) Bị miễn nhiệm bất cứ vì lý do gì do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

i) Các trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.

3. Kiểm soát viên được thay thế, bổ sung trong các trường hợp sau:



- a) Bị miễn nhiệm theo quy định tại khoản 2 của Điều này;
- b) Hết nhiệm kỳ quy định tại khoản 3, Điều 51 của Điều lệ này;
- c) Tự nguyện xin từ chức được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; hoặc được nghỉ hưu theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội;
- d) Kiểm soát viên do cổ đông hoặc nhóm cổ đông là cá nhân, pháp nhân sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông đề cử vào Ban kiểm soát đề nghị miễn nhiệm; lý do miễn nhiệm theo nội dung thoả thuận hoặc quy chế đề cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông là cá nhân, pháp nhân đó; các Kiểm soát viên trong các trường hợp này đương nhiên bị thay thế.

4. Các trường hợp Kiểm soát viên bị miễn nhiệm hoặc thay thế theo quy định tại điểm a, d khoản 2 và điểm d khoản 3 của Điều này tạm ngừng điều hành công việc kể từ khi:

- a) Có bằng chứng không đủ tiêu chuẩn, điều kiện là Kiểm soát viên hoặc có bằng chứng bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Bị các cơ quan có thẩm quyền khởi tố bắt tạm giam hoặc từ ngày tòa án tuyên án là có tội;
- c) Có đề nghị bằng văn bản thay thế, của cổ đông hoặc nhóm cổ đông là cá nhân hoặc pháp nhân sở hữu từ 10% số cổ phần phổ thông đề cử vào Ban kiểm soát.

Điều 55. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

1. Tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm do Ban kiểm soát xây dựng trên cơ sở kế hoạch hoạt động được Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Mục 6.

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 56. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và cán bộ quản lý khác

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và cán bộ quản lý khác của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình có trách nhiệm và nghĩa vụ sau đây:

1. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, mẫn cán vì lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty.

2. Phải thông báo cho Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị về các hợp đồng kinh tế, lao động, dân sự của Công ty theo quy định tại Điều 57 của Điều lệ này; trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa ký kết thì có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc không ký kết hoặc ngăn cản không ký kết hợp đồng đó; nếu hợp đồng đã ký kết thì bị coi là vô hiệu, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và có thể bị xử lý theo pháp luật.

Các hợp đồng và giao dịch của Công ty phải thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị quy định tại Điều 57 của Điều lệ này.

3. Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng vốn và tài sản của Công ty thu lợi riêng cho bản thân và người khác; không được đem tài sản riêng của Công ty cho người khác; không được tiết lộ bí mật của Công ty trong thời gian thực hiện chức trách là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc và trong thời gian tối thiểu là 03 năm sau khi thôi làm thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc, trừ trường hợp được Hội đồng quản trị chấp thuận; nội dung được coi là bí mật của Công ty được quy định trong quy chế bảo mật của Công ty.

4. Không được để vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình giữ các chức danh Kế toán trưởng, lãnh đạo phòng Tài chính Kế toán và Tổ chức Hành chính, thủ quỹ, thủ kho; hoặc tham gia ký kết hợp đồng kinh tế của Công ty và chi nhánh.

5. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả, thì:

- a) Phải thông báo tình hình tài chính cho tất cả các chủ nợ biết;
- b) Không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Công ty, kể cả cho người quản lý;
- c) Phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại điểm a, b khoản này;
- d) Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Công ty.

7. Các nghĩa vụ khác do pháp luật và Điều lệ này quy định.

Điều 57. Hợp đồng và giao dịch của Công ty hoặc chi nhánh phải thông qua Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp

1. Các hợp đồng và giao dịch giữa Công ty hoặc chi nhánh với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b) Các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của họ;

c) Các doanh nghiệp quy định tại khoản 2, Điều 159 Luật doanh nghiệp.

2. Đối với các hợp đồng quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trong trường hợp này người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này. Trong trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về các nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 58. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng,

không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương V

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH, HỒ SƠ VÀ CHẾ ĐỘ LƯU TRỮ TÀI LIỆU CÔNG TY

Điều 59. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại khoản 3 Điều 19 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

Điều 60. Chế độ lưu trữ tài liệu của Công ty

1. Công ty phải lưu trữ các tài liệu sau đây:

a) Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, các văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ; Điều lệ công ty phải được công bố trên website của Công ty.

b) Sổ đăng ký cổ đông;

c) Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động; Giấy chứng nhận thay đổi đăng ký hoạt động; Giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm; Giấy chứng nhận quyền sở hữu công nghiệp;

đ) Các tài liệu và giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Công ty;

e) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, và các quyết định đã được thông qua;

g) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán;

h) Báo cáo của Ban kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của cơ quan kiểm toán độc lập;

i) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm;

k) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty phải lưu trữ các tài liệu quy định tại khoản 1 của Điều này ở trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác nhưng phải thông báo cho cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh biết. Thời hạn lưu trữ thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI

NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY

Điều 61. Tuyển dụng

1. Người lao động đáp ứng theo nhu cầu sản xuất kinh của Công ty, được tuyển dụng theo biên chế và quy chế tuyển dụng do Giám đốc xây dựng trình Hội đồng quản trị thông qua;

2. Người lao động quy định tại khoản 1 của Điều này được ký hợp đồng lao động theo quy định của Bộ luật Lao động, Thỏa ước lao động tập thể và Quy chế tuyển dụng của Công ty.

Điều 62. Quỹ lương, chế độ tiền lương, tiền thưởng và các khoản thù lao của người lao động

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm phê duyệt quỹ lương (hoặc đơn giá tiền lương) hàng năm.

2. Chế độ tiền lương, tiền thưởng và các khoản thù lao khác của người lao động trong Công ty do Giám đốc xây dựng trình Hội đồng quản trị phê duyệt.

3. Quỹ lương, Quy chế trả lương, thưởng và các khoản thù lao xây dựng phải phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động, Luật doanh nghiệp và Quy chế tài chính của Công ty.

Điều 63. Cổ đông là người lao động của Công ty

Người lao động trong Công ty mua cổ phần của Công ty có quyền và nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 64. Người lao động tham gia quản lý Công ty

1. Hình thức tham gia quản lý công ty của người lao động

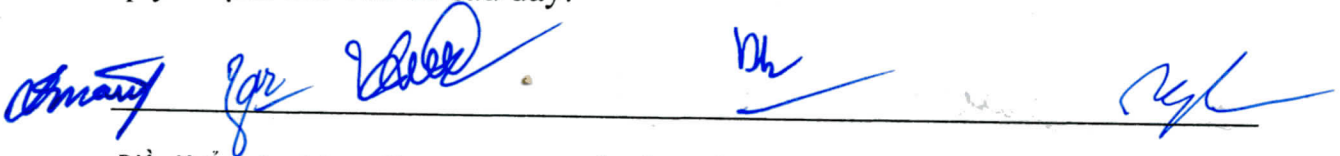
Người lao động tham gia quản lý công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

- a) Hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu người lao động Công ty;
- b) Tổ chức công đoàn Công ty;
- c) Thực hiện quyền kiến nghị, khiếu nại và tố cáo theo quy định của pháp luật;
- d) Việc tổ chức hội nghị người lao động; thành lập, tổ chức hoạt động công đoàn trong Công ty theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung tham gia quản lý Công ty của người lao động

Người lao động có quyền tham gia thảo luận, góp ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau đây:

- a) Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất, kinh doanh, sắp xếp lại sản xuất Công ty;
- b) Phương án tổ chức lại hoặc chuyển đổi sở hữu của Công ty;
- c) Các nội quy, quy chế của Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;
- d) Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động;
- e) Thông qua Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu người lao động và tổ chức Công đoàn công ty, người lao động có quyền thảo luận và biểu quyết quyết định các vấn đề sau đây:



- Nội dung hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung Thỏa ước lao động tập thể để đại diện tập thể người lao động ký kết với Giám đốc;

- Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phù hợp với quy định của Nhà nước;

- Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

3. Người lao động có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể; chấp hành kỷ luật lao động, nội quy lao động và tuân theo sự điều hành hợp pháp của Công ty.

Chương VII

TÀI CHÍNH KẾ TOÁN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN VÀ LẬP QUỸ

Điều 65. Tài khoản ngân hàng, thanh toán và giao dịch kế toán

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Nếu công ty có mở chi nhánh hoạt động tại nước ngoài, theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 66. Chế độ hạch toán kế toán và báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng

1. Năm tài chính của Công ty.

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

2. Chế độ hạch toán kế toán.

Công ty thực hiện việc hạch toán kế toán theo Luật kế toán và Luật thống kê hiện hành.

3. Báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng.

a) Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (nếu là công ty đại chúng) và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 67 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính (trừ trường hợp gia hạn Đại hội cổ đông theo Điều 136 Luật doanh nghiệp), phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan

thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán, Cơ quan Đăng ký kinh doanh.

b) Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

c) Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán.

d) Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng của công ty phải được công bố trên website của Công ty.

e) Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

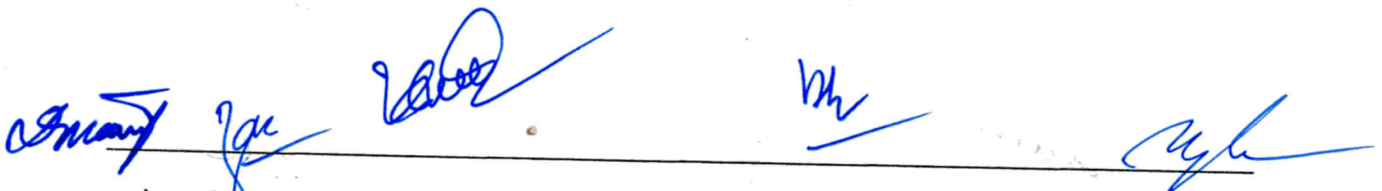
Điều 67. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.



Điều 68. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định trích lập các quỹ, mức cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty do Hội đồng quản trị trình.

2. Theo quy định của Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 69. Xử lý khi kinh doanh thua lỗ

Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Đại hội đồng cổ đông có thể quyết định giải quyết kịp thời theo các giải pháp:

- Trích từ quỹ đầu tư phát triển (nếu có) để bù lỗ theo quy định hiện hành;
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau, đồng thời Hội đồng quản trị phải quyết định các biện pháp khắc phục.

Điều 70. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương VIII

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 71. Tổ chức lại Công ty

Công ty có thể chia; tách; sáp nhập; hợp nhất và chuyển đổi doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 72. Các trường hợp giải thể Công ty

1. Số lượng cổ đông nhỏ hơn 03 (ba) thành viên trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục.
2. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quyết định của toà án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
3. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Thủ tục giải thể theo quy định tại Điều 202 của Luật doanh nghiệp.

Điều 73. Thanh lý tài sản khi giải thể Công ty

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Công ty;
- f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Điều 74. Phá sản Công ty

Nếu công ty bị phá sản, thì việc phá sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

Chương IX

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 75. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải, trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập có uy tín để hành động với tư cách là trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) ngày kể từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa cơ quan trọng tài hoặc toà án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của toà án được thực hiện theo phán quyết của toà án.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 76. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định theo đề nghị của Hội đồng quản trị hoặc kiến nghị của Ban kiểm soát.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 77. Hiệu lực thi hành

1. Bản Điều lệ này gồm X chương 77 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lương thực - Thực phẩm Hà Nội nhất trí thông qua ngày 22 tháng 3 năm 2018 tại số 2 Ngõ Gạch, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và được sử dụng như sau:

a) Gửi cho các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. (06 bản)

b) Lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. (04 bản)

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Các bản Điều lệ của công ty được ban hành trước bản Điều lệ này đều hết hiệu lực thi hành và được thay thế bằng bản Điều lệ này.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi:

a) Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị; hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

b) Họ tên, chữ ký của Giám đốc công ty./.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Hoàng Đức Mạnh



Phan Vũ Anh



Bùi Thị Tú Giang



Trần Hữu Hạnh



Nguyễn Vũ Hoan

